

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 44
8. Phụ lục	45 - 48

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 3700413826 (số cũ là 4603000041) ngày 26 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70%
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43%
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29%
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32%
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43%
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83%
Cộng	1.000.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC

Trụ sở chính:

Địa chỉ : lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
 Fax : (84 – 650) 2 220 678
 Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch bất động sản	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa	Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	73 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sân giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sân giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần cửa số Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	số 3701545462 ngày 06 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	72,59%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	số 3700650584 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	79,39%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp	53,82%

32 /
 CỘ
 H N
 M
 T U
 7P /

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc dự án khu phố liền kề thương mại Uni town và làng sinh thái Moon River, đối với hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng thì số lượng bán ra và đơn giá bán đều tăng so với năm trước.

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã điều chỉnh lại số liệu trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2011 như sau:

	Số tiền (VND)
Giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng	
Ban quản lý điều hành	(378.666.139)
Giảm trích quỹ đầu tư phát triển	(344.241.945)
Giảm trích quỹ dự phòng tài chính	(172.120.972)
Giảm trích quỹ vào vốn khác của chủ sở hữu	(172.120.972)
Chia cổ tức	80.000.000.000
Cộng	78.932.849.972

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quán Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Tỵ	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hương Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-

7448
CÔNG TY
V HỮU
AN V.
AN T.
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 06 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0404/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách Công ty con được trình bày tại thuyết minh 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.510.515.123.507	1.544.742.123.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.130.302.923	32.670.003.078
1. Tiền	111		11.130.302.923	12.670.003.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.727.694.669	111.075.216.070
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12.593.383.585	112.226.355.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.865.688.916)	(1.151.139.450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.191.966.869.945	588.801.052.223
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	1.060.813.002.161	165.455.841.347
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	120.500.483.134	406.613.533.480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	15.018.153.627	19.236.486.443
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4.364.768.977)	(2.504.809.047)
IV. Hàng tồn kho	140		1.232.698.047.296	772.114.350.502
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.232.698.047.296	772.114.350.502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.992.208.674	40.081.501.329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		414.180.856	53.952.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.559.315.269	31.985.468.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.018.712.549	8.042.080.866

4102
CÔ
ÍCH NI
KIỂM
TƯ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.439.799.929	141.333.998.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126.416.439.172	81.875.178.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	93.399.127.539	69.083.323.968
<i>Nguyên giá</i>	222		138.342.490.960	101.720.640.041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.943.363.421)	(32.637.316.073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.194.781.232	11.461.533.636
<i>Nguyên giá</i>	228		8.944.200.743	12.074.484.886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(749.419.511)	(612.951.250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	24.822.530.401	1.330.320.762
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	1.930.505.605	2.115.834.145
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(478.765.395)	(293.436.855)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		59.018.671.467	51.560.910.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	8.158.671.467	27.900.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	50.860.000.000	23.660.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.074.183.685	5.782.076.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	2.749.466.377	1.475.825.029
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	2.307.070.628	3.585.706.649
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.017.646.680	720.544.800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.703.954.923.436	1.686.076.122.191

 143
 VG
 IEM
 TO.
 V
 S. D. K.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.442.242.802.945	1.334.990.391.354
I. Nợ ngắn hạn	310		1.284.899.543.317	1.184.568.008.541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	145.212.273.651	597.393.183.131
2. Phải trả người bán	312	V.20	355.453.129.651	91.925.952.987
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	232.979.067.821	282.337.113.571
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	29.207.137.328	9.634.544.914
5. Phải trả người lao động	315	V.23	4.294.988.584	1.810.636.890
6. Chi phí phải trả	316	V.24	390.350.721.785	12.177.973.794
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	102.582.396.203	166.475.837.730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	23.111.222.968	11.328.596.313
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	1.708.605.326	11.484.169.211
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		157.343.259.628	150.422.382.813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	150.232.750.000	150.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.16	339.904.697	422.382.813
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.29	6.770.604.931	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.250.651.677.717	351.085.730.837
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.250.651.677.717	351.085.730.837
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	1.000.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	1.841.123.840	2.062.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.30	4.793.855.523	4.812.860.786
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	(8.098.244.246)	(439.592.214)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	28.435.341.431	28.675.831.702
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	13.620.335.656	13.710.055.862
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	210.059.265.513	102.264.350.861
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	11.060.442.774	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.703.954.923.436	1.686.076.122.191



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.224.277	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012




Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.809.455.470.909	625.521.650.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	22.679.633.762	13.014.561.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.786.775.837.147	612.507.088.981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.475.818.306.313	516.042.038.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		310.957.530.834	96.465.050.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.529.497.879	71.977.016.721
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.446.238.820	12.788.100.050
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.368.751.269	10.684.391.598
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	53.525.251.485	34.401.281.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	41.514.014.891	24.304.659.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		214.001.523.517	96.948.025.506
11. Thu nhập khác	31	VI.7	43.164.353.495	27.283.226.659
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.348.246.708	1.109.867.921
13. Lợi nhuận khác	40		38.816.106.787	26.173.358.738
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.14	1.350.934.469	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		254.168.564.773	123.121.384.244
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	61.364.145.006	30.659.683.967
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.278.636.021	(353.095.993)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>191.525.783.746</u>	<u>92.814.796.270</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.139.228.488	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>189.386.555.258</u>	<u>92.814.796.270</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.448</u>	<u>4.641</u>


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		254.168.564.773	123.121.384.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.13	14.318.984.888	11.983.756.484
- Các khoản dự phòng	03	V.3; V.7	2.574.509.396	3.307.529.951
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.749.988.506)	(6.757.565.796)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.368.751.269	10.684.391.598
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		264.680.821.820	142.339.496.481
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(491.934.846.650)	(245.518.924.560)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(451.962.305.900)	(371.247.226.222)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		516.777.921.363	(72.304.031.658)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(804.982.200)	402.662.273
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24; VI.4	(2.659.749.317)	(10.684.391.598)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(44.883.408.823)	(30.156.037.669)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.925.873.500	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.650.832.054)	(7.788.087.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(212.511.508.261)	(594.956.540.746)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12	(41.914.145.571)	(30.570.012.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	10.622.945.585	1.772.727.278
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.800.000.000)	(126.545.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	22.150.718.994	4.984.424.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.940.480.992)	(150.357.861.025)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG


Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	800.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19; V.28	376.039.139.778	946.005.301.141
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19; V.28	(829.026.799.258)	(268.883.235.072)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(79.959.850.000)	(11.348.103.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		267.052.490.520	665.773.962.562
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.600.501.267	(79.540.439.209)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.670.003.078	112.210.442.287
Tiền và tương đương tiền của các Công ty con do được hợp nhất			859.798.578	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	65.130.302.923	32.670.003.078


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	72,59%	72,59%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	79,39%	79,39%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	53,82%	53,82%

7448-C
CÔNG TY
KIỂM HỌA
TOÁN VI
S VẤN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	20,00%	20,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 746 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 422 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm
Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc dự án khu phố liên kế thương mại Uni town và làng sinh thái Moon River, đối với hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng thì số lượng bán ra và đơn giá bán đều tăng so với năm trước.

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bắt động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bắt động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	23

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD.

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

2011
CÔNG
H KHI
EM 1
TƯ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	791.666.937	377.636.739
Tiền gửi ngân hàng	10.338.635.986	12.292.366.339
Các khoản tương đương tiền (*)	54.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>65.130.302.923</u>	<u>32.670.003.078</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với giá trị là 30.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		12.593.383.585		12.226.355.520
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	261.409	3.305.620.570	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	107.039	2.341.702.950
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (LJC)	-	-	80.000	1.657.642.000
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	445.916	4.921.390.000	445.916	4.921.390.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	174.800	1.163.690.630	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		-		100.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm		-		100.000.000.000
Cộng		<u>12.593.383.585</u>		<u>112.226.355.520</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương: tăng do mua thêm 83.658 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 860.979.435 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển đô thị: tăng do mua 174.800 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.163.690.630 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.151.139.450
Trích lập dự phòng bổ sung	714.549.466
Số cuối năm	<u>1.865.688.916</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	312.728.317.796	96.186.860.993
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	748.084.684.365	69.268.980.354
Cộng	<u>1.060.813.002.161</u>	<u>165.455.841.347</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	117.481.084.248	402.285.929.794
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	1.247.294.456	4.327.603.686
Trả trước của nhà cung cấp khác	1.772.104.430	-
Cộng	<u>120.500.483.134</u>	<u>406.613.533.480</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	238.468.798	3.210.000.000
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	9.749.356.287	10.513.125.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.071.107.280	2.137.653.539
Cổ tức phải thu	1.814.372.903	940.000.000
Phải thu Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	-	342.392.885
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	486.230.835	805.675.269
Các khoản phải thu khác	658.617.524	1.287.638.892
Cộng	<u>15.018.153.627</u>	<u>19.236.486.443</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	166.160.000	1.560.925.355
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	16.646.240	90.344.709
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	112.854.155	61.200.178
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.069.108.582	792.338.805
Cộng	<u>4.364.768.977</u>	<u>2.504.809.047</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	2.504.809.047
Trích lập dự phòng bổ sung	1.859.959.930
Số cuối năm	<u>4.364.768.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.337.443.939	5.557.840.496
Công cụ dụng cụ	999.922.689	162.721.546
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.148.973.545.346	711.829.404.647
Thành phẩm	1.798.571.940	2.074.799.388
Hàng hóa	65.539.036.348	52.481.102.525
Hàng gửi bán	49.527.034	8.481.900
Cộng	<u>1.232.698.047.296</u>	<u>772.114.350.502</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	952.712.549	6.921.843.168
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.000.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.120.237.698
Cộng	<u>1.018.712.549</u>	<u>8.042.080.866</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.804.711.452	13.698.615.948	75.547.030.301	1.587.021.255	83.261.085	101.720.640.041
Tăng do hợp nhất kinh doanh	12.117.273.311	2.209.067.897	373.182.771	235.141.486	90.040.000	15.024.705.465
Mua trong năm	382.289.999	1.943.906.654	3.129.752.508	633.922.095	-	6.089.871.256
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.492.782.027	3.719.466.928	1.690.543.453	33.627.750	78.320.000	19.014.740.158
Thanh lý, nhượng bán	<u>(1.265.178.328)</u>	<u>(35.672.858)</u>	<u>(1.983.244.008)</u>	<u>(223.370.766)</u>	-	<u>(3.507.465.960)</u>
Số cuối năm	<u>35.531.878.461</u>	<u>21.535.384.569</u>	<u>78.757.265.025</u>	<u>2.266.341.820</u>	<u>251.621.085</u>	<u>138.342.490.960</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	932.714.953	112.811.600	939.442.810	674.769.976	83.261.085	2.743.000.424
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.224.712.178	4.400.427.880	23.897.971.523	1.030.943.407	83.261.085	32.637.316.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh	405.644.796	136.892.998	90.253.742	65.315.977	7.694.608	705.802.121
Khấu hao trong năm	2.845.530.655	1.976.222.669	8.722.429.479	379.023.172	16.256.202	13.939.462.177
Thanh lý, nhượng bán	<u>(547.249.535)</u>	<u>(23.781.912)</u>	<u>(1.544.814.737)</u>	<u>(223.370.766)</u>	-	<u>(2.339.216.950)</u>
Số cuối năm	<u>5.928.638.094</u>	<u>6.489.761.635</u>	<u>31.165.840.007</u>	<u>1.251.911.790</u>	<u>107.211.895</u>	<u>44.943.363.421</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.579.999.274	9.298.188.068	51.649.058.778	556.077.848	-	69.083.323.968
Số cuối năm	<u>29.603.240.367</u>	<u>15.045.622.934</u>	<u>47.591.425.018</u>	<u>1.014.430.030</u>	<u>144.409.190</u>	<u>93.399.127.539</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 94.273.198.091 VND và 50.339.561.387 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.966.929.143	107.555.743	12.074.484.886
Mua trong năm	-	36.645.000	36.645.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.166.929.143)	-	(3.166.929.143)
Số cuối năm	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	107.555.743	107.555.743
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	505.395.507	107.555.743	612.951.250
Khấu hao trong năm	182.997.084	11.197.087	194.194.171
Thanh lý, nhượng bán	(57.725.910)	-	(57.725.910)
Số cuối năm	630.666.681	118.752.830	749.419.511
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.461.533.636	-	11.461.533.636
Số cuối năm	8.169.333.319	25.447.913	8.194.781.232
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.001.087.031	-	20.867.595.390	(6.502.171.117)	15.366.511.304
XDCB dở dang	329.233.731	6.719.320.482	19.807.944.061	(17.451.260.402)	9.405.237.872
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	50.781.225	-	50.781.225
Cộng	1.330.320.762	6.719.320.482	40.726.320.676	(23.953.431.519)	24.822.530.401

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	293.436.855	2.115.834.145
Khấu hao trong năm	-	185.328.540	
Số cuối năm	2.409.271.000	478.765.395	1.930.505.605

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

48-C
 TY
 ĐẦU TƯ
 VÀ
 PHÁT
 TRIỂN
 BÌNH
 DƯƠNG
 CHI NHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾	50,00%	3.259.666.100	50,00%	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	20,00%	4.899.005.367	20,00%	4.400.000.000
Trường đại học quốc tế Miền Đông	-	-	24,00%	14.400.000.000
Công ty TNHH Tân Thành Mỹ	-	-	22,88%	3.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	-	-	32,64%	865.000.000
Công ty cổ phần cửa Nam Âu (nay là Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân)	-	-	14,79%	3.000.000.000
Cộng		8.158.671.467		27.900.910.000

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng vốn trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Điều chỉnh phân loại	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Sinviet	2.235.910.000	1.672.759.140	-	(649.003.040)	-	3.259.666.100
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	4.400.000.000	(321.824.671)	1.000.000.000	-	(179.169.962)	4.899.005.367
Trường đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000	-	-	-	(14.400.000.000)	-
Công ty TNHH Tân Thành Mỹ	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	865.000.000	-	-	-	(865.000.000)	-
Công ty cổ phần cửa Nam Âu (nay là Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân)	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Cộng	27.900.910.000	1.350.934.469	1.000.000.000	(649.003.040)	(21.444.169.962)	8.158.671.467

15. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần được Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(*)	1.700.000	13.800.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường đại học quốc tế Miền Đông	1.440.000	14.400.000.000		-
Cộng		50.860.000.000		23.660.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước: tăng do mua thêm 1.600.000 cổ phiếu với giá mua 12.800.000.000 VND.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát	Phân bổ vào	Kết chuyển	Số cuối năm
		sinh trong năm	chi phí trong năm		
Công cụ, dụng cụ	849.920.250	4.856.124.819	(2.610.519.358)	(729.125.417)	2.366.400.294
Chi phí thuê văn phòng	212.400.000	1.639.386.203	(1.549.972.396)	-	301.813.807
Chi phí trả trước dài hạn khác	413.504.779	29.000.000	(361.252.503)	-	81.252.276
Cộng	1.475.825.029	6.524.511.022	(4.521.744.257)	(729.125.417)	2.749.466.377

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.585.706.649
Tăng do hợp nhất	1.839.253.798
Hoàn nhập trong năm	(3.117.889.819)
Số cuối năm	2.307.070.628

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	145.078.473.651	597.393.183.131
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(*)	117.580.482.251	121.829.358.131
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương - Chi nhánh Bình Dương ^(**)	880.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(***)	26.617.991.400	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	475.563.825.000
Vay dài hạn đến hạn trả	133.800.000	-
Cộng	145.212.273.651	597.393.183.131

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương đầu tư mua sắm máy móc thiết bị nhà máy Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	597.393.183.131
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.039.500.000
Số tiền vay phát sinh	375.639.139.778
Số tiền vay đã trả	(828.993.349.258)
Kết chuyển từ vay dài hạn	133.800.000
Số cuối năm	145.212.273.651

20. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	156.331.676.696	62.249.644.899
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	199.121.452.955	29.676.308.088
Cộng	355.453.129.651	91.925.952.987

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	225.739.227.009	268.719.149.880
Các khoản người mua trả tiền trước khác	7.239.840.812	13.617.963.691
Cộng	232.979.067.821	282.337.113.571

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		- 25.742.731.741	510.276.599	(25.632.289.868)	620.718.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.394.646.635	61.364.145.006	40.924.090	(42.384.600.547)	26.415.115.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.137.653.539	2.432.262.017	-	(2.498.808.276)	2.071.107.280
Thuế thu nhập cá nhân	102.244.740	1.075.097.143	17.976.191	(1.095.121.682)	100.196.392
Các loại thuế khác	-	19.924.000	-	(19.924.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	662.024.000	-	(662.024.000)	-
Cộng	9.634.544.914	91.296.183.907	569.176.880	(72.292.768.373)	29.207.137.328

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.168.564.773	123.121.384.244
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	9.511.955.340	-
- Lỗ trong năm của các công ty con	(1.875.254.305)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.921.625.974	992.062.351
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(17.387.594.852)	(1.474.710.728)
Thu nhập chịu thuế	246.339.296.930	122.638.735.867
Lỗ các năm trước được chuyển	(882.716.905)	-
Thu nhập tính thuế	245.456.580.025	122.638.735.867
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	61.364.145.006	30.659.683.967

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

23. **Phải trả người lao động**
Lương tháng 12 còn phải trả.

24. **Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	28.684.751.952	9.975.750.000
Trích trước chi phí công trình	361.627.969.833	2.202.223.794
Chi phí khác	38.000.000	-
Cộng	390.350.721.785	12.177.973.794

102
 CÔNG
 ÁCH NH
 KIỂM V
 TỰ
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	436.109.166	76.475.831
Cổ tức phải trả	564.613.124	105.682.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	59.722.057.650	149.025.289.000
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	22.415.585.750	15.338.917.800
Nhận ký quỹ môi giới	7.735.073.500	-
Tiền mua cổ phần Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	4.800.000.000	-
Tiền rút thăm trúng thưởng	2.186.000.000	-
Góp vốn kinh doanh	2.292.000.000	-
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	190.000.000	640.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	690.111.200	494.854.358
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.550.845.813	794.618.617
Cộng	<u>102.582.396.203</u>	<u>166.475.837.730</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.328.596.313
Tăng do hợp nhất	252.217.803
Tăng do trích lập trong năm	22.940.742.145
Hoàn nhập trong năm	(9.888.382.137)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(1.521.951.156)
Số cuối năm	<u>23.111.222.968</u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Điều chỉnh phân loại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.691.962.085	7.637.687	(873.446.018)	(6.564.801.485)	19.200.000	1.280.552.269
Quỹ phúc lợi	1.329.634.969	(12.851.807)	33.973.896	(1.297.028.689)	(19.200.000)	34.528.369
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.462.572.157	10.952.531	-	(1.080.000.000)	-	393.524.688
Cộng	<u>11.484.169.211</u>	<u>5.738.411</u>	<u>(839.472.122)</u>	<u>(8.941.830.174)</u>	<u>-</u>	<u>1.708.605.326</u>

28. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	232.750.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	<u>150.232.750.000</u>	<u>150.000.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để mua sắm tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	366.550.000	133.800.000	232.750.000	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
Cộng	150.366.550.000	133.800.000	150.232.750.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

Số đầu năm	150.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	400.000.000
Số kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(133.800.000)
Số tiền vay đã trả	(33.450.000)
Số cuối năm	150.232.750.000

29. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 45.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh phát triển Bình Dương đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức các năm trước	7.850.000
Tạm ứng cổ tức (40% mệnh giá)	79.952.000.000
Cộng	79.959.850.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	9.306.416.931
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.139.228.488
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(385.202.645)
Số cuối năm	11.060.442.774

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.809.455.470.909	625.521.650.821
- Doanh thu bán hàng hóa	372.955.270.294	154.543.359.614
- Doanh thu bán thành phẩm	224.195.971.029	234.914.980.665
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.194.242.823.924	228.040.060.916
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.061.405.662	8.023.249.626
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(22.679.633.762)	(13.014.561.840)
- Hàng bán bị trả lại	(22.679.633.762)	(13.014.561.840)
Doanh thu thuần	1.786.775.837.147	612.507.088.981
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	372.955.270.294	154.543.359.614
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	224.140.515.029	234.914.980.665
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.171.618.646.162	215.025.499.076
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	18.061.405.662	8.023.249.626

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	344.856.221.290	141.850.049.608
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	194.105.667.457	218.242.189.672
Giá vốn kinh doanh bất động sản	917.863.688.545	155.959.361.751
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.992.729.021	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(9.562.077)
Cộng	1.475.818.306.313	516.042.038.954

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.763.289.116	3.037.329.414
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.169.331.220	1.498.441.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.882.525.763	2.887.094.700
Lãi bán hàng trả chậm	1.407.745.816	-
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	11.534.715.181
Chiết khấu thanh toán	-	52.840.425.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	306.605.964	179.011.182
Cộng	21.529.497.879	71.977.016.721

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21.368.751.269	10.684.391.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	787.646.500	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	506.618.100	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	714.549.466	1.151.139.450
Chi phí tài chính khác	68.673.485	952.569.002
Cộng	<u>23.446.238.820</u>	<u>12.788.100.050</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.355.625.416	6.835.861.152
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.887.946.731	3.115.404.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.555.228.499	1.429.140.966
Chi phí hoa hồng môi giới	8.458.586.404	7.101.017.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.670.889.278	9.729.795.693
Chi phí khác	20.596.975.157	6.190.061.575
Cộng	<u>53.525.251.485</u>	<u>34.401.281.354</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.169.667.427	9.979.436.136
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.968.686.565	662.376.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.053.401.093	1.624.627.788
Chi phí dự phòng	1.874.184.207	2.165.952.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.874.457.088	960.544.695
Chi phí khác	18.573.618.511	8.911.721.873
Cộng	<u>41.514.014.891</u>	<u>24.304.659.838</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.622.945.585	1.772.727.278
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	9.888.382.137	11.166.701.458
Thành phẩm bê tông thừa	4.044.616.566	4.849.271.404
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	18.042.454.044	9.202.081.750
Thu nhập khác	565.955.163	292.444.769
Cộng	<u>43.164.353.495</u>	<u>27.283.226.659</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	4.277.452.243	939.585.596
Phạt vi phạm hợp đồng	50.184	165.280.880
Chi phí khác	70.744.281	5.001.445
Cộng	<u>4.348.246.708</u>	<u>1.109.867.921</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	189.386.555.258	92.814.796.270
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	189.386.555.258	92.814.796.270
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	77.362.637	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.448	4.641

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2011	57.362.637	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	77.362.637	20.000.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.788.591.962	190.533.810.935
Chi phí nhân công	41.725.414.014	25.266.988.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.318.984.888	11.896.586.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.516.891.858	28.424.853.592
Chi phí khác	38.003.210.613	33.154.681.256
Cộng	316.353.093.335	289.276.920.770

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.021.250.000	815.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	24.402.600	31.025.440
Phụ cấp	-	195.000.000
Tiền thưởng	292.000.000	322.000.000
Cộng	<u>1.337.652.600</u>	<u>1.363.025.440</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH Cổ đông đại diện vốn nhà nước một thành viên	
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên – Becamex	Công ty liên kết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	137.009.935.595	108.546.286.345
Thu hộ tiền bán đất		5.140.176.200
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	314.968.391.717	306.079.509.544
Thi công công trình xây dựng	127.786.944.841	-
Các khoản khác	133.144.307	248.370.335
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	2.030.015.993	8.195.952.447
Mua nguyên liệu	21.563.094.227	19.881.774
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	73.934.056.563	16.504.265.811
Cung cấp dịch vụ	-	440.334.347
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	5.496.678.385	-
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	-	1.116.463.306

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Tiền bán nguyên vật liệu	48.817.254.473	-
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.673.531.692	-
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.001.517.500	270.270.058
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Tiền bán nguyên vật liệu	42.855.837.868	2.382.916.665
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	572.977.739	2.895.457.445
Cộng nợ phải thu	<u>156.921.119.272</u>	<u>5.548.644.168</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Thu hộ tiền bán đất	59.722.057.650	149.025.289.000
Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu	-	12.217.102.481
Vay dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex		
Tiền mua nguyên vật liệu	6.126.548.610	-
Cộng nợ phải trả	<u>215.848.606.260</u>	<u>311.242.391.481</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 46 đến trang 48.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.130.302.923	32.670.003.078	65.130.302.923	32.670.003.078
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	61.587.694.669	34.735.216.070	61.587.694.669	34.735.216.070
Phải thu khách hàng	1.056.448.233.184	162.951.032.300	1.056.448.233.184	162.951.032.300
Các khoản phải thu khác	17.054.512.856	27.999.112.109	17.054.512.856	27.999.112.109
Cộng	1.200.220.743.632	358.355.363.557	1.200.220.743.632	358.355.363.557
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	355.453.129.651	91.925.952.987	355.453.129.651	91.925.952.987
Vay và nợ	295.445.023.651	747.393.183.131	295.445.023.651	747.393.183.131
Phải trả người lao động	4.294.988.584	1.810.636.890	4.294.988.584	1.810.636.890
Chi phí phải trả	390.350.721.785	12.177.973.794	390.350.721.785	12.177.973.794
Các khoản phải trả khác	126.033.523.868	178.226.816.856	126.033.523.868	178.226.816.856
Cộng	1.171.577.387.539	1.031.534.563.658	1.171.577.387.539	1.031.534.563.658

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn không thế chấp tài sản đảm bảo nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

- Đối với khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất (chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng tập đoàn) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.
- Đồng thời nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	355.453.129.651	-	-	355.453.129.651
Vay và nợ	145.212.273.651	150.232.750.000	-	295.445.023.651
Phải trả người lao động	4.294.988.584	-	-	4.294.988.584
Chi phí phải trả	390.350.721.785	-	-	390.350.721.785
Các khoản phải trả khác	125.693.619.171	339.904.697	-	126.033.523.868
Cộng	1.021.004.732.842	150.572.654.697	-	1.171.577.387.539
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	91.925.952.987	-	-	91.925.952.987
Vay và nợ	597.393.183.131	150.000.000.000	-	747.393.183.131
Phải trả người lao động	1.810.636.890	-	-	1.810.636.890
Chi phí phải trả	12.177.973.794	-	-	12.177.973.794
Các khoản phải trả khác	177.804.434.043	422.382.813	-	178.226.816.856
Cộng	881.112.180.845	150.422.382.813	-	1.031.534.563.658

110
CÓ
RÁCH
KIẾN
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 02	(610.983.447)
	- 02	610.983.447
Năm trước	+ 02	(104.360.902)
	- 02	104.360.902

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tập đoàn là 61.587.694.669 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 34.735.216.070 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 4.619.077.100 VND (năm trước là 2.605.141.205 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Những thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.22 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ là 8.098.244.246 VND (số năm trước 439.592.214 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	2.062.223.840	-	-	19.050.110.130	8.897.195.076	39.789.291.465	269.798.820.511
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	92.814.796.270	92.814.796.270
Phân phối các quỹ	-	-	4.812.860.786	-	9.625.721.572	4.812.860.786	(30.339.736.874)	(11.088.293.730)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(439.592.214)	-	-	-	(439.592.214)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	2.062.223.840	4.812.860.786	(439.592.214)	28.675.831.702	13.710.055.862	102.264.350.861	351.085.730.837
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	2.062.223.840	4.812.860.786	(439.592.214)	28.675.831.702	13.710.055.862	102.264.350.861	351.085.730.837
Tăng vốn trong năm	800.000.000.000	-	-	-	-	-	-	800.000.000.000
Chi phí phát hành	-	(221.100.000)	-	-	-	-	-	(221.100.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	189.386.555.258	189.386.555.258
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(1.901.539.580)	(1.901.539.580)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	(19.005.263)	-	(240.490.271)	(89.720.206)	343.477.329	(5.738.411)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	439.592.214	-	-	-	439.592.214
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(8.098.244.246)	-	-	-	(8.098.244.246)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(33.578.355)	(33.578.355)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	(8.098.244.246)	28.435.341.431	13.620.335.656	210.059.265.513	1.250.651.677.717


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mục lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	371.104.339.898	228.581.239.467	1.171.618.646.162	15.471.611.620	-	1.786.775.837.147
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	371.104.339.898	228.581.239.467	1.171.618.646.162	15.471.611.620	-	1.786.775.837.147
Chi phí bộ phận	(357.604.406.299)	(203.390.270.552)	(952.345.299.905)	(16.003.581.042)	-	(1.529.343.557.798)
Chi phí quản lý chung	13.499.933.599	25.190.968.915	219.273.346.257	(531.969.422)	-	257.432.279.349
Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	(41.514.014.891)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	215.918.264.458
Chi phí khác	-	-	-	-	-	21.529.497.879
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(23.446.238.820)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	43.164.353.495
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(4.348.246.708)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	1.350.934.469
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(61.364.145.006)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(1.278.636.021)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	191.525.783.746
Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.191.246.285	29.574.915.109	2.567.845.631	243.157.441	-	43.577.164.466
Chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.112.466.048	18.084.315.757	1.066.005.613	262.555.007	-	22.525.342.425
Giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.543.359.614	234.914.980.665	215.025.499.076	8.023.249.626	-	612.507.088.981
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.543.359.614	234.914.980.665	215.025.499.076	8.023.249.626	-	612.507.088.981
Chi phí bộ phận	(146.373.872.632)	(226.568.323.871)	(177.501.123.805)	-	-	(550.443.320.308)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.169.486.982	8.346.656.794	37.524.375.271	8.023.249.626	-	62.063.768.673
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(24.304.659.838)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	37.759.108.835
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	71.977.016.721
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(12.788.100.050)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	27.283.226.659
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(1.109.867.921)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(30.659.683.967)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	353.095.993
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	92.814.796.270
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	778.112.619	27.195.050.857	1.335.248.528	-	-	29.308.412.004
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.761.661.923	9.922.509.209	1.839.159.301	-	-	13.523.330.433
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập báo



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

 Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	315.568.689.128	170.436.311.532	2.017.009.059.486	14.585.188.258	-	2.517.599.248.404
Tài sản phân bổ cho bộ phận	315.568.689.128	170.436.311.532	2.017.009.059.486	14.585.188.258	-	2.517.599.248.404
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						186.355.675.032
Tổng tài sản						2.703.954.923.436
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	277.745.411.820	19.244.950.344	1.087.200.146.848	7.794.917.872	-	1.391.985.426.884
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	277.745.411.820	19.244.950.344	1.087.200.146.848	7.794.917.872	-	1.391.985.426.884
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						50.257.376.061
Tổng nợ phải trả						1.442.242.802.945
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	116.932.096.404	86.639.971.898	1.223.966.878.768	-	-	1.427.538.947.070
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						258.537.175.121
Tổng tài sản						1.686.076.122.191
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.739.971.654	32.101.074.624	1.248.084.275.073	-	-	1.322.925.321.351
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						12.065.070.003
Tổng nợ phải trả						1.334.990.391.354


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc